UBND XÃ VIỆT YÊN
TRUNG TÂM PVHCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MỨC THU LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG THỰC- HỘ TỊCH

STT	Tên thủ tục	Mức Thu theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND
I	**Đăng ký hộ tịch**	**Lệ phí *(đồng)***
a	Khai sinh đúng hạn	0
b	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	10.000
c	Khai tử đúng hạn	0
d	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	10.000
đ	đăng ký kết hôn	0
e	Đăng ký lại kết hôn	30.000
g	Nhận cha, mẹ, con	20.000
h	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	20.000
i	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	20.000
k	Đăng ký giám hộ	0
l	Đăng ký chấm dứt giám hộ	0
m	Đăng ký giám sát việc giám hộ	0
n	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	0
II	**Đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài**	
a	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	100.000
b	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử)	100.000
c	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn; đăng ký lại kết hôn)	1.500.000
d	Nhận cha, mẹ, con	1.500.000
đ	Đăng ký giám hộ	60.000
e	Đăng ký chấm dứt giám hộ	60.000
g	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	30.000
h	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	100.000

II	**Lĩnh vực Chứng thực**	**Mức thu theo Thông tư Số: 226/2016/TT-BTC**
1	Phí chứng thực bản sao từ bản chính	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000đ/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính
2	Phí chứng thực chữ ký	10.000đ/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản
3	Phí chứng thực hợp đồng, giao dịch:	
a	Chứng thực hợp đồng, giao dịch	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch
b	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch
c	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch
III	**Trích lục hộ tịch, trịch lục khai sinh**	**Thông tư số 281/2016/TT-BTC**
	Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch	8.000đ/bản trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký

- Các đối tượng được miễn nộp

+ Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.

+ Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

**** Ghi chú:***

1. Biểu thu phí, lệ phí có hiệu lực từ ngày 01/05/2026 theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13/04/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết số 715/2015/NQ-HĐND tỉnh ngày 01/07/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

UBND XÃ VIỆT YÊN
TRUNG TÂM PVHCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

STT	Danh mục	Mức thu
I.	**PHÍ**	
1	**Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai**	
1,1	Trường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	
1,2	Trường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	100.000 đồng/hồ sơ (không bao gồm chi phí in ấn, phô tô tài liệu (nếu có)) '- Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Miễn, giảm phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ
2	**Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**	Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
2,1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu	
a	Hộ gia đình, cá nhân	200.000đồng/ 01 giấy chứng nhận
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	500.000 đồng/ 01 giấy chứng nhận
2,2	Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	
a	Hộ gia đình, cá nhân	400.000 đồng/ 01 giấy chứng nhận
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	600.000 đồng/ 01 giấy chứng nhận

2,3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đính chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	
a	Hộ gia đình, cá nhân	500.000đồng/ 01 giấy chứng nhận
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	1500000 đồng/ 01 giấy chứng nhận
3	**Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**	50.000 đồng/giấy chứng nhận
II.	**LỆ PHÍ**	
1	**Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**	
1.1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu	
a	Cá nhân, hộ gia đình	25.000 đồng/giấy chứng nhận
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	100.000 đồng/giấy chứng nhận
1.2	Cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp (không bao gồm trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm)	
a	Cá nhân, hộ gia đình	20.000 đồng/giấy chứng nhận
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	50.000 đồng/giấy chứng nhận
1.3	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	
a	Cá nhân, hộ gia đình	10.000 đồng/giấy chứng nhận
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	30.000 đồng/giấy chứng nhận
2	**Lệ phí đăng ký kinh doanh**	50.000 đồng/giấy phép

**** Ghi chú:***

1. Biểu thu phí, lệ phí có hiệu lực từ ngày 01/05/2026 theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13/04/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết số 715/2015/NQ-HĐND tỉnh ngày 01/07/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.